

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :319

Sang : Hủ tíu thốt ga nam mỗp bap ca rot
gia hủ
Sữa grow
Trởa : Côm ca diêu hồng sot thôm ca chua.
Canh bí xanh thốt bô ngo rí
Mon luoc: rau đen
Xe: Sữa chua viết quít
Xe chieu: Sup thốt của tồôi nam tuyết ca rot
hat sen nam rôm trồng ga ngo rí

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36985				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (mười)	2,000	1,060	21,200
2	Cà diếp	10,000	22,680	2,268,000
3	Cua ghe	900	92,400	831,600
4	Nộm măm Ca (loại 1)	4,000	6,160	246,400
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nông cat	4,000	3,880	155,200
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Xì dầu	1,000	990	9,900
9	Gạo tẻ may	18,000	2,630	473,400
10	Hủ tíu	16,000	1,820	291,200
11	Bột mì tinh	1,000	3,850	38,500
12	Ngo (bap) tồôi	1,000	3,680	36,800
13	Hạnh lã	1,500	5,250	78,750
14	Hạnh củ tồôi	1,000	6,300	63,000
15	Ca rot	5,500	5,570	306,350
16	Gia nấu xanh	1,000	2,730	27,300
17	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
18	Mỗp	2,000	4,200	84,000
19	Hủ lã	100	4,830	4,830
20	Nam tuyết*	300	45,650	136,950
21	Rau đen	3,500	4,310	150,850
22	Rau ngo (Rau mui)	100	8,720	8,720
23	Cà chua	3,000	7,350	220,500
24	Hạt sen tồôi	500	38,750	193,750
25	Bí nạo (Bí xanh)	10,000	4,100	410,000
26	Thốt lộn nạc	6,000	18,800	1,128,000
27	Thốt ga loại 1	3,000	12,920	387,600
28	Thốt bô loại 1	1,500	37,800	567,000
29	Dừa ta	1,000	2,940	29,400
30	Trồng ga toàn phần	3,000	4,400	132,000
31	Yaourt	31,900	5,950	1,898,050
Cong				10,568,150
	*XUẤT KHO			
32	Sữa bột Abbot Grow	6,000	20,500	1,230,000
Cong				1,230,000
Tổng tiền thức phẩm				11,798,150 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏch chi trong ngày				11803000(đ)
Số đồ nấu ngày				0(đ)
Số đồ cuối ngày				4850(đ)
Xuất ăn luy kê tồ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tồ nấu tháng				
Tiền chi luy kê tồ nấu tháng				